TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 14/9/2020.
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN - TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Triệu Thị Vang**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Kim Quỳnh** và Bà **Vũ Thị Thanh Huyền**
Thư ký phiên toà: Bà **Đinh Kim Dung** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.
Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên toà: Ông **Nông Ngọc Thuyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2020/TLST - HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp: ly hôn, nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị H** - Sinh năm 1976 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 7, phường P, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn.

2. *Bị đơn*: Anh **Đoàn Mạnh N** - Sinh năm 1977 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, phường Đ, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn. (Trước đây là: Tổ 7^A , phường Đ, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn)

(Hiện nay Đoàn Mạnh N đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an thành phố T về hành vi "tàng trữ trái phép chất ma túy").

3. Những người làm chứng:
- Bà **Lê Thị C**. Địa chỉ: Tổ 7, phường Đ, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn.
- Bà **Nguyễn Thị S**. Địa chỉ: Tổ 7, phường P, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn.
- Bà **Vũ Thị K**. Địa chỉ: Tổ 7, phường P, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn.
- Anh **Lường Văn V**. Địa chỉ: Tổ B, xã H, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn.
- Anh **Lường Văn Q**. Địa chỉ: Tổ B, xã H, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn.

(Tất cả những người làm chứng, Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn xin ly hôn ngày 27 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn Lường Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị và anh Đoàn Mạnh N có đăng ký kết hôn vào ngày 08/4/2015 tại Uỷ ban nhân dân phường Đ, thị xã (nay là thành phố) BK, tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng bình thường đến năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh N thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Tháng 5/2017 anh N đã bóp cổ chị. Ngày 17/7/2020 anh N vác dao đuổi chị khắp đường, sau đó đóng cửa nhà lại, mở loa đài và tiếp tục hành hung chị, làm chị bị chảy máu mồm, máu mũi. Lý do mâu thuẫn là do quan điểm sống hai vợ chồng chị trái ngược nhau, không có tiếng nói chung, hơn nữa còn do anh N nghiện ma túy nên mới thường xuyên hành hung chị như vậy. Chị luôn cảm thấy sợ hãi và lo lắng khi chung sống cùng anh N. Giữa vợ chồng chị đã xảy ra quá nhiều bạo lực, không hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa chị và anh N có nhiều người biết và chứng kiến, cụ thể gồm: những người hàng xóm là bà Nguyễn Thị S, bà Vũ Thị K; anh em họ hàng là anh Lường Văn V, anh Lường Văn Q; mẹ đẻ của anh N là bà Lê Thị C và công an phường P, chính quyền địa phương biết. Nay chị không còn tình cảm với anh N nữa, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và anh N có 01 (Một) con chung là Đoàn Thảo N – sinh ngày 20/02/2015, con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu được ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con vì hiện nay con còn nhỏ, chị có công việc và thu nhập ổn định, hơn nữa lâu nay chị vẫn là người trực tiếp nuôi con. Anh N là người nghiện ma túy, không có công việc và thu nhập. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị và anh N không có tài sản chung.

- Về vay nợ chung: Chị và anh N không có vay nợ chung.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Đoàn Mạnh N trình bày:

Giữa anh và chị H có đăng ký kết hôn vào ngày 08/4/2015 tại Uỷ ban nhân dân phường Đ, thị xã (nay là thành phố) BK, tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn. Vì con nhỏ, nếu ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tương lai con cái. Anh N vẫn còn tình cảm với vợ nên anh không nhất trí ly hôn. Do không nhất trí ly hôn nên về con chung, tài sản chung, vay nợ chung thì anh không có ý kiến.

Tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh N có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh khẳng định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do vậy chị H xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 (Một) con chung là Đoàn Thảo N – sinh ngày 20/02/2015. Khi ly hôn, anh nhất trí giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung

- Về vay nợ chung: Anh và chị H không có vay nợ chung.

* Tại phiên toà:

- Đại diện viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228/BLTTDS; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lường Thị H, cho chị H được ly hôn anh N và giao con chung Đoàn Thảo N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[I]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 228/BLTTDS – xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[II]. Về nội dung:

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lường Thị H và anh Đoàn Mạnh N kết hôn ngày 08/4/2015 trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Uỷ ban nhân dân phường Đ, thị xã (nay là thành phố) BK, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn, giữa chị H và anh N đã từng có thời gian chung sống hoà thuận, tuy nhiên từ năm 2017 bắt đầu có phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng nhiều cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị H và anh N có quan điểm sống trái ngược nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Giữa chị H và anh N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, xô xát và ngày càng trầm trọng, anh N đã nhiều lần đánh chị H, những sự việc này có hàng xóm, anh em họ hàng và mẹ đẻ của anh N biết, chứng kiến. Ngoài ra, nhiều mâu thuẫn giữa anh N và chị H thì có công an phường P, thành phố BK và tổ phố nơi cư trú của chị H biết, can thiệp. Nay chị H khẳng định không còn tình cảm gì với anh N nữa. Bản thân anh N là người nghiện ma túy, trong quá trình Tòa án đang giải quyết vụ án thì anh N đã bị công an thành phố T, tỉnh Thái Nguyên bắt về hành vi "Tàng trữ tái phép chất ma túy". Như vậy, phải khẳng định rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra, ngày càng trầm trọng, anh chị không còn tiếng nói chung, với tình trạng cuộc sống như vậy, xét thấy có vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, về tình nghĩa vợ chồng – vợ chồng anh chị không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ cuộc sống, hôn nhân giữa chị H và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh N cũng nhất trí ly hôn nên cần thiết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh N.

[2] **Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung**: Chị H và anh N có 01 (một) con chung là Đoàn Thảo N – sinh ngày 20/02/2015, con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hội đồng xét xử xét thấy do hiện nay con còn nhỏ, cần thiết có sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo cho cháu được phát triển lành mạnh về mọi mặt, hơn nữa chị H có công việc và thu nhập ổn định – cụ thể chị H đang bán hàng nước tại địa bàn thành phố BK, thu nhập 8.000.000đ – 9.000.000đ/01 tháng. Anh N hiện nay đang bị tạm giam trong một vụ án hình sự. Do vậy, xét về điều kiện nuôi con của chị H là đảm bảo, anh N cũng nhất trí giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H: Giao con chung Đoàn Thảo N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] **Về tài sản chung:** Chị H và anh N không có tài sản chung

[4] **Về vay nợ chung:** Chị H và anh N không có vay nợ chung.

[5] **Về án phí**: Nguyên đơn Lường Thị H phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

[III] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật - được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228/BLTTDS; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Lường Thị H: Chị Lường Thị H được ly hôn anh Đoàn Mạnh N.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao con chung: Đoàn Thảo N – sinh ngày 20/02/2015 cho chị Lường Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh N không có tài sản chung.

4. Về vay nợ chung: Chị H và anh N không có vay nợ chung.

5. Về án phí: Chị Lường Thị H phải chịu 300.000[đ] (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0000159, ngày 29/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền*

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn – đều vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Triệu Thị Vang

Nơi nhận:
- VKSTPBK: 2
- Các đương sự: 2
- UBND Phường Đ (Nơi ĐKKH) 1
- THA: 1
- TAT: 1
- Lưu HS: 1
- Lưu VP: 1.